

Bàn về một hướng nghiên cứu giảng dạy kỹ năng Nghe hiểu cho sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN

Đỗ Quang Việt*

*Trung tâm Nghiên cứu Phương pháp và Kiểm tra Chất lượng,
Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Nhận ngày 1 tháng 6 năm 2007*

Tóm tắt. Việc dạy-học ngoại ngữ thực chất là dạy-học kiến thức và đặc biệt là các kỹ năng thực hành tiếng (Nghe, Nói, Đọc và Viết) để người học có thể nắm vững ngôn ngữ như một phương tiện giao tiếp nhằm để thoả mãn nhu cầu của bản thân, của xã hội và của nghề nghiệp. Trong bài báo này, tác giả muốn trao đổi ý kiến về việc dạy-học kỹ năng Nghe nhằm góp phần nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy kỹ năng Nghe hiểu nói riêng và các môn thực hành tiếng nói chung ở Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Thực chất của việc dạy-học một ngoại ngữ là dạy-học các kiến thức ngôn ngữ và đặc biệt là các kỹ năng thực hành giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) để người học có thể sử dụng ngoại ngữ như một phương tiện giao tiếp nói hoặc viết theo nhu cầu cá nhân, xã hội-nghề nghiệp. Các kỹ năng thực hành có mối liên hệ khăng khít, hỗ trợ, bổ sung lẫn nhau. Để thực hành tốt một ngoại ngữ, không thể chỉ chú trọng kỹ năng này mà coi nhẹ kỹ năng kia. Tuy nhiên, mỗi kỹ năng đều có những đặc điểm riêng biệt đòi hỏi phải tính đến và nghiên cứu kỹ lưỡng để có thể nâng cao hiệu quả chung của việc dạy-học ngoại ngữ. Ngày nay, các nhà giáo học pháp ngoại ngữ đều thống nhất rằng dạy một ngoại ngữ trước hết là phải cung cấp cho học viên những phương tiện giao tiếp bằng lời,

rèn luyện cho họ kỹ năng thực hành *nghe, nói* trong thứ tiếng đó. Song thực trạng của việc dạy-học các môn *nghe, nói* thế nào? Tác giả bài viết này mong muốn trao đổi cùng đồng nghiệp một số suy nghĩ về việc dạy-học môn nghe hiểu nhằm góp phần nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy môn nghe hiểu nói riêng, các môn thực hành ngoại ngữ nói chung ở Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Thực trạng

Một thực tế trong việc giảng dạy các môn thực hành ngoại ngữ nói chung, tiếng Pháp nói riêng là, do những đặc thù môn học, giáo viên phải dành rất nhiều thời gian trước khi lên lớp để chuẩn bị một bài dạy nghe và trên lớp phải tập trung chú ý hơn mức bình thường mà vẫn không cảm thấy thoả mãn về chất lượng bài dạy; còn sinh viên thì rất ngại nếu không muốn nói là sợ học và thi-kiểm tra

* ĐT: 84-4-7161665.

môn *Nghe hiểu* vì kết quả đạt được thường rất thấp. Thử dẫn ra hai ví dụ về kết quả thi các môn thực hành tiếng của sinh viên K31 năm

học 1998-1999 và K37 năm học 2005-2006 ở Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Năm học 1998-1999, trên tổng số 229 sinh viên

Kĩ năng	Nghe	Nói	Đọc	Viết
Điểm dưới trung bình	75 32,75%	59 25,76%	29 12,66%	40 17,46%

Năm học 2005-2006, trên tổng số 218 sinh viên

Kĩ năng	Nghe	Nói	Đọc	Viết
Điểm dưới trung bình	87 39,9%	42 19,3%	40 18,35%	18 8,26%

Hai bảng tổng hợp trên cho thấy tỉ lệ điểm dưới trung bình của môn *Nghe* là cao nhất trong số các môn thực hành tiếng. Nếu xem xét kết quả môn *Nghe* ở các năm khác tình hình có lẽ cũng tương tự.

Vì sao lại có tình trạng như vậy? Do phương pháp dạy của thầy hay do phương pháp học của trò? Do đề thi nghe quá khó hay do thời lượng của môn học chưa đủ? Do những nguyên nhân bên ngoài hay do những nguyên nhân bên trong môn học? Để phần nào lí giải vấn đề này, chúng tôi chỉ xin đề cập một số nguyên nhân nội tại của môn học.

3. Một số trở ngại trong quá trình nghe hiểu tiếng nước ngoài nói chung, tiếng Pháp nói riêng

3.1. Chuyển di tiêu cực của tiếng mẹ đẻ

Khi bắt đầu học ngoại ngữ, học sinh đã có hàng chục năm sử dụng tiếng mẹ đẻ; thói quen và kĩ năng sử dụng tiếng mẹ đẻ đã trở nên bền vững ảnh hưởng tiêu cực, gây trở ngại đến quá trình tiếp thu những tri thức mới, rèn luyện những kĩ năng thực hành mới (nghe, nói đọc viết) bằng tiếng nước ngoài. Trên bình diện nghe hiểu, học sinh gặp rất nhiều khó khăn trong việc khu biệt nhằm mã hoá các tín hiệu ngôn ngữ mới do thói quen tri nhận các âm, điệu của tiếng mẹ lấn át. Mặt khác, trong giai đoạn đầu học ngoại ngữ (thời gian học phổ thông) học sinh không

được chú trọng rèn luyện kĩ năng nghe, không có điều kiện nghe người bản ngữ (dù là thông qua băng cátset, do đó khả năng nghe hiểu của các em thường là yếu.

3.2. Sự khác biệt trên bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và lời nói giữa ngôn ngữ đích và ngôn ngữ nguồn

Đây là trở ngại cơ bản trong việc dạy/học kĩ năng nghe hiểu. Khi nghe một thứ tiếng mà không hiểu, nghĩa là tai chỉ cảm nhận được lò mò một chuỗi âm thanh và ngữ điệu không có nghĩa. Nhưng nếu đó là tiếng mẹ đẻ hoặc một ngoại ngữ thông thạo, ta hiểu ngay nghĩa của các tín hiệu ngôn ngữ phát ra. Vì sao vậy? Ta hãy xem xét vấn đề này ở các cấp độ khác nhau can thiệp vào quá trình nghe hiểu:

3.2.1. *Về mặt ngữ âm*: Học sinh phải làm quen với một hệ thống âm vị mới và luyện tập để nhận biết một số âm không có trong thứ tiếng mà mình biết. Thực tế cho thấy, nếu hệ thống âm vị của ngôn ngữ đích càng khác với hệ thống âm vị của ngôn ngữ nguồn thì càng gây trở ngại cho người học trong việc làm quen và nhận diện các âm mới. Tiếng Pháp và tiếng Việt là hai thứ tiếng có nguồn gốc khác nhau. Trong hệ thống âm vị tiếng Pháp có nhiều âm vị mà trong tiếng Việt không có. Ví dụ như trong số 36 âm vị tiếng Pháp có tới 11 âm vị không có trong tiếng

Việt. Đây chính là những khó khăn cho học sinh Việt Nam trong việc làm quen, nhận diện và luyện tập nghe trong giai đoạn mới học tiếng Pháp, đặc biệt là các nguyên âm giọng mũi và các âm /Y/ và /R/. Tuy nhiên, khả năng phân biệt các âm vị thường hạn định ở giai đoạn đầu của việc học ngoại ngữ, cần nhận diện những cặp âm vị cơ bản. Khi học viên đã có những kiến thức nhất định về từ vựng và ngữ pháp thì chu cảnh sẽ giúp họ phân biệt những âm vị khó.

Mặt khác, các yếu tố cận ngôn như trọng âm (accentuation), giai điệu (mélodie), ngữ điệu (intonation), nhóm nhịp điệu (groupe rythmique) đặc thù, đặc tính giọng nói của người phát ngôn cũng gây trở ngại đáng kể cho học sinh Việt Nam trong việc nghe hiểu tiếng Pháp không những ở giai đoạn cơ sở mà cả ở giai đoạn đề cao. Việc làm quen và tiếp thu các yếu tố cận ngôn đặc thù của tiếng Pháp rất khó đối với người Việt, đòi hỏi học sinh phải luyện tập nghe thường xuyên và nỗ lực, kiên trì của giáo viên.

3.2.2. *Về mặt từ vựng*: từ tiếng Pháp hầu hết là từ đa âm trong khi đó từ tiếng Việt là đơn âm. Sự khác biệt về số lượng âm tiết cấp độ từ gây trở ngại không nhỏ cho học sinh Việt Nam trong nghe hiểu tiếng Pháp. Mặt khác, muốn hiểu được ngôn bản trước hết phải nhận diện và hiểu nghĩa từ vựng trong ngữ cảnh, phải xác định được từ vựng liên quan thuộc cấp độ ngôn ngữ nào. Tuy nhiên, thực tế dạy *Nghe hiểu* cho thấy một khi học sinh đã có một vốn từ vựng cần thiết tiếp thu được trong quá trình học ở giai đoạn cơ sở, những khó khăn về mặt từ vựng kể trên không còn là trở ngại đáng quan tâm nữa. Cái khó còn tồn tại và kéo dài ngay cả trong giai đoạn đề cao là nghe hiểu được các yếu tố văn hoá, văn minh hàm ẩn trong từ vựng. Trong nhiều trường hợp, học sinh hiểu hết các từ trong một phát ngôn nhưng không hiểu được nghĩa của phát ngôn đó. Đó là vì trong phát ngôn có chứa đựng các yếu tố văn hoá, văn minh mà học sinh chưa biết. Ví dụ như khi nghe một phát ngôn tiếng Pháp "*Que*

savez- vous des trente années glorieuses?" Mặc dù biết hết các từ trong câu hỏi nhưng học sinh lại không hiểu nghĩa của câu hỏi. Thực vậy nếu không biết "*les trente années glorieuses*" muốn hàm chỉ giai đoạn phát triển kinh tế đỉnh cao của nước Pháp sau chiến tranh thế giới lần thứ hai (1945-1974) thì không thể hiểu được câu hỏi trên. Đây chỉ là một trong rất nhiều ví dụ mà yếu tố văn hoá, văn minh can thiệp vào việc giải mã trong nghe hiểu.

Một trở ngại nữa cần quan tâm về mặt từ vựng trong việc dạy nghe hiểu ở giai đoạn đề cao là các thuật ngữ, vì đằng sau cái vỏ âm thanh nghe được là cả một nội hàm chỉ các khái niệm đòi hỏi phải có những kiến thức chuyên ngành mới hiểu được. Có thể lấy một ví dụ: trong một phát ngôn thuộc lĩnh vực kinh tế hàng hoá có từ "*familles*", với vốn từ vựng thông thường khi nghe từ này học sinh không thể hiểu được nghĩa, vì đây là thuật ngữ chỉ một khái niệm chuyên ngành, nghĩa của nó là: *các chủng loại sản phẩm hay mặt hàng trong một loại sản phẩm đồng chất*. Một ví dụ khác, khi nghe từ "*circuit économique*", với vốn từ vựng thông thường, học sinh chỉ có thể hiểu là *Chu trình kinh tế*, nhưng *chu trình kinh tế* là gì? thì phải có kiến thức chuyên ngành kinh tế mới hiểu được: đó là *một chu trình khép kín gồm 3 yếu tố có mối liên quan chế định nhau: sản xuất, nhu cầu và thu nhập*.

3.2.3. *Về mặt ngữ pháp*: đây là một trong những trở ngại cơ bản cho quá trình giải mã các tín hiệu ngôn ngữ. Sự khác biệt rất lớn về mặt ngữ pháp giữa tiếng Pháp và tiếng Việt như: cách biểu đạt thời thể, sự tương hợp thời thể, hình thái-cú pháp, giống số của một loạt từ loại như quán từ, danh từ, đại từ, tính từ và vô số các qui tắc ngữ pháp khác thực sự là những thách thức đối với học sinh Việt Nam trong nghe hiểu tiếng Pháp. Tuy nhiên, trong quá trình học ngoại ngữ các kiến thức tiếp thu được về từ vựng, ngữ pháp, các kỹ năng thực hành khác sẽ hỗ trợ, bổ sung và nâng cao khả năng nghe hiểu, giải mã các phát ngôn, ngôn đoạn và ngôn bản. Trong

giai đoạn đề cao, trở ngại lớn nhất về mặt ngữ pháp trong quá trình nghe hiểu ngôn bản là logic ngữ nghĩa, tình thái thông qua các cấu trúc ngữ pháp, thông qua hệ thống từ nối liên kết ngôn bản.

3.2.4. Các yếu tố ngữ dụng liên quan đến việc xác định ý nghĩa xác thực của ngôn bản (thông qua hình thức ngôn ngữ của nó) chính là vấn đề khó nhất đặt ra cho giáo viên khi dạy nghe hiểu bởi lẽ chỉ khi đặt phát ngôn cụ thể vào một ngữ cảnh giao tiếp-văn hoá của ngôn ngữ đích mới có thể xác định được ý nghĩa xác thực của ngôn bản, mới hiểu được ý đồ và thái độ của người nói, tình cảm của người nói trong giao tiếp. Thế nhưng khi nghe một ngôn bản thông qua băng cát sét (phương tiện dạy nghe phổ biến hiện nay), chúng ta không có đủ các yếu tố về ngữ cảnh giao tiếp-văn hoá cần thiết để hiểu được ý nghĩa xác thực. Xin trích dẫn một ví dụ minh hoạ của PGS TS Nguyễn Hoà trong bài viết *Lực ngôn trung và các kiểu câu* đăng trong *Ki yếu Hội thảo về Ngữ dụng học 4/1999* tại Hà Nội, trang 262-263: *Nhà rất bẩn (con ạ)! phát ngôn này có thể hiểu thuần tuý là sự miêu tả một sự tình, song trong nhiều hoàn cảnh giao tiếp, thường được hiểu như là một sự quở trách hay là một yêu cầu dọn dẹp.* Như vậy muốn hiểu được nghĩa xác thực của phát ngôn trên phải đặt phát ngôn vào ngữ cảnh giao tiếp-văn hoá của ngôn ngữ nguồn mới hiểu được ý đồ của người nói.

3.3. Cơ chế của nghe hiểu

Trong các kĩ năng thực hành, *Nghe hiểu* là một kĩ năng giao tiếp thụ động, là một quá trình mã hoá và giải mã, trong đó *nghe* thuộc phạm trù tiếp nhận, mã hoá các tín hiệu ngôn ngữ dưới dạng âm thanh phát ra với tư cách là yếu tố có nghĩa, *hiểu* thuộc phạm trù lí giải hay giải mã các tín hiệu ngôn ngữ đã được mã hoá. Có một yếu tố vô cùng quan trọng gắn kết *nghe* và *hiểu* tạo ra một chu trình khép kín đó là *ghi nhớ* hay *lưu trữ* thông tin mã hoá. Có thể nói *Nghe* và *hiểu* là hai mặt biện chứng của một quá trình phức hợp, chế

định lẫn nhau; *nghe* là cơ sở quyết định *hiểu*, ngược lại *hiểu* có tính độc lập tương đối tác động trở lại bổ sung cho *nghe*. Có thể tóm tắt quá trình *nghe hiểu* một thông tin như sau:

- *Nghe* gồm hai giai đoạn: *cảm nhận* và *tri nhận* các tín hiệu ngôn ngữ dưới dạng âm thanh. Giai đoạn *cảm nhận* đòi hỏi sự nhạy cảm của cơ quan thính giác và diễn ra rất nhanh chóng, song nó là cơ sở không thể thiếu được của *tri nhận*. *Tri nhận* là giai đoạn cơ bản nhất song cũng phức tạp nhất. Mở đầu giai đoạn này là các thao tác khu biệt và ghi nhận các âm và các yếu tố cận ngôn đi kèm, rồi đến các thao tác phân tích và xử lí các âm thanh khu biệt nhằm mã hoá và lưu trữ các tín hiệu ngôn ngữ trên cơ sở những kiến thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn hoá văn minh đã tiếp thu được từ trước. Sau giai đoạn *tri nhận*, *ghi nhớ* đóng một vai trò rất quan trọng, nó cho phép các tín hiệu ngôn ngữ dưới dạng âm thanh mã hoá được lưu trữ dưới dạng hình ảnh làm cơ sở cho việc giải mã.

- *Hiểu* là quá trình giải mã hay xác lập nghĩa của các tín hiệu ngôn ngữ đã được mã hoá và lưu trữ, tức là xác lập các mối liên hệ giữa vô âm thanh ghi nhận được với các yếu tố đã tiếp thu được từ trước đó liên quan tới việc xác lập nghĩa như: tri thức về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp trong ngữ cảnh, logic ngữ nghĩa, các yếu tố văn hoá-văn minh, ngữ dụng, kiến thức chuyên ngành, nhằm đưa ra và kiểm định các giả định về nghĩa. Một khi hội tụ đủ các kiến thức cần thiết cho việc giải mã thì nghĩa của các tín hiệu ngôn ngữ mới được xác lập.

(Xem sơ đồ cơ chế *nghe hiểu*)

4. Mô hình nghe tích cực

Do *nghe hiểu* là một kĩ năng thuộc dạng thụ động, *nghe* là yếu tố quyết định *hiểu*, các nhà giáo học pháp ngoại ngữ đã đưa ra một mô hình *nghe tích cực* nhằm khắc phục những hạn chế của tính thụ động của kĩ năng này, cải thiện khả năng *nghe* của người học và nâng cao hiệu

khả năng nghe của người học và nâng cao hiệu quả của việc dạy-học kỹ năng nghe hiểu. Cái cốt lõi của mô hình này là người học tiếng nước ngoài phải tăng mức độ tập trung chú ý để nghe và hiểu bằng tiếng nước ngoài, phải thay đổi cách thức, thói quen và quá trình mã hóa và giải mã.

4.1. Mô hình nghe tích cực có thể được chia thành ba giai đoạn

- Giai đoạn 1 (GD1): *neo, bám* có nghĩa là muốn hiểu một phát ngôn trước hết ta phải nghe được một hoặc vài từ trong phát ngôn đó để làm chỗ dựa cho việc tìm hiểu và xác lập nghĩa của phát ngôn.

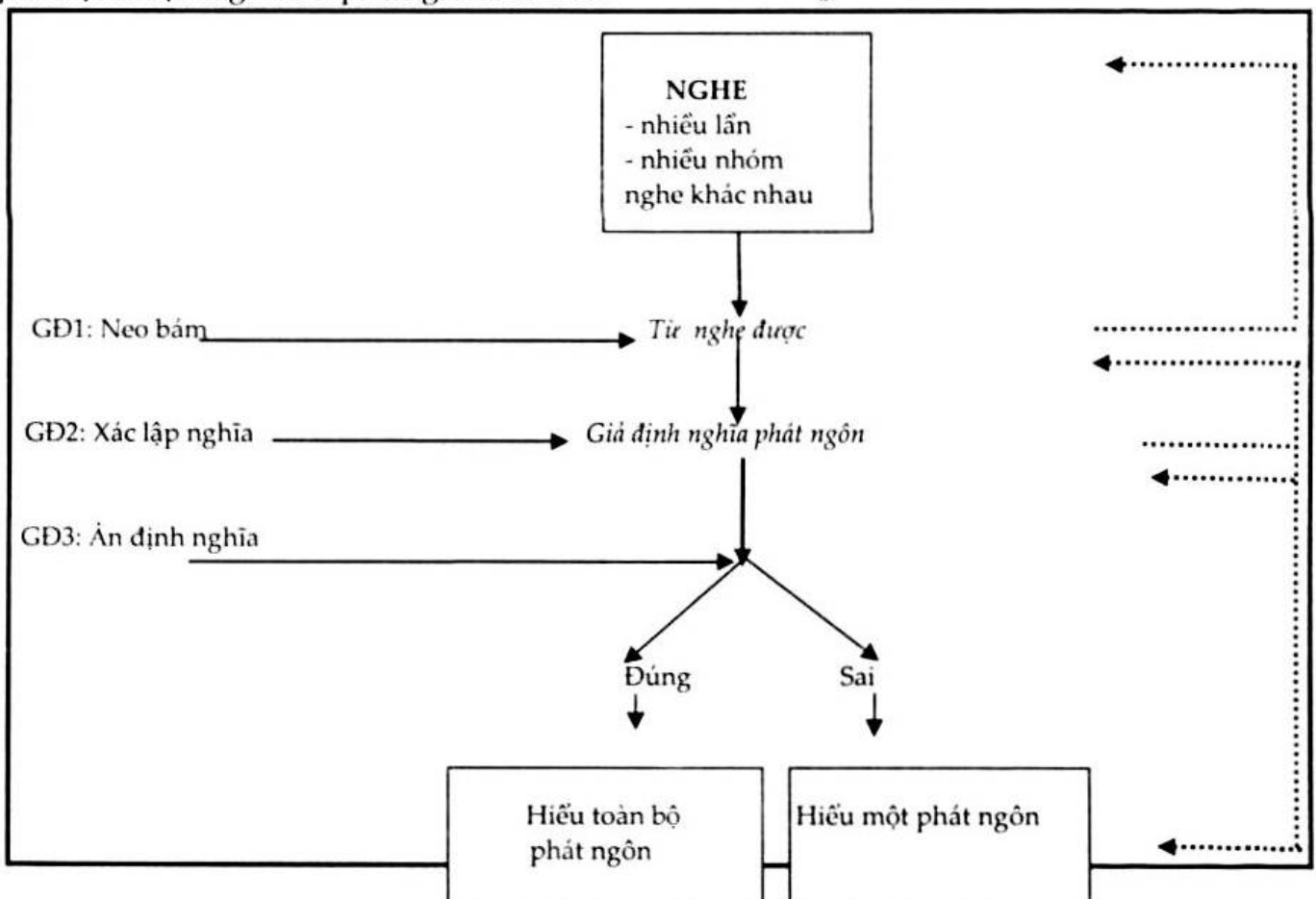
- Giai đoạn 2 (GD2): *xác lập nghĩa của phát ngôn* Sau một hoặc nhiều lần nghe, học sinh nghe được một phần hoặc toàn bộ phát ngôn. Giai đoạn xác lập nghĩa của phát ngôn được tiến hành thông qua việc lập ra và lựa chọn các giả định về nghĩa.

- Giai đoạn 3: (GD3) *ấn định nghĩa của phát ngôn*. Việc ấn định nghĩa của phát ngôn diễn ra khi

học sinh tự cho là mình đã nghe được toàn bộ phát ngôn. Nếu thực tế là đúng như vậy thì học sinh đã hiểu đúng nghĩa của phát ngôn. Nếu ngược lại, học sinh chỉ hiểu được một phần của phát ngôn đó. Trong trường hợp này, qui trình phải quay trở lại giai đoạn 2 hoặc thậm chí giai đoạn 1.

Mặc dù còn một số điểm cần phải làm sáng tỏ thêm (trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi không chủ trương xem xét lại mô hình lý thuyết này mà chỉ quan tâm đến khả năng ứng dụng của nó trong việc dạy/học môn *Nghe hiểu*), song đây là một mô hình lý thuyết thú vị, có cơ sở khoa học, mở ra khả năng ứng dụng cho việc dạy *nghe hiểu* tiếng nước ngoài nói chung, tiếng Pháp nói riêng. Tuy nhiên chúng ta cũng cần thử nghiệm mô hình này ở phạm vi nhỏ, rút kinh nghiệm và hoàn chỉnh trước khi ứng dụng đại trà.

Mô hình *nghe tích cực* có thể được biểu diễn bằng sơ đồ sau:



4.2. Một số lưu ý về mặt sư phạm khi ứng dụng mô hình Nghe tích cực

- Theo mô hình trên, trong giờ luyện nghe trên lớp, giáo viên phải chia lớp ra làm nhiều nhóm và cho học sinh nghe nhiều lần phát ngôn/ngôn đoạn/ngôn bản tùy theo mục đích luyện và trình độ người học. Sau một/vài lần nghe, giáo viên yêu cầu các nhóm cho biết các từ nghe được. Ban đầu các từ nghe được rất ít ỏi, có thể do nhiều lẽ:

- Khả năng khu biệt âm chưa tốt
- Khả năng tái hiện chưa cao
- Vốn từ vựng, ngữ pháp còn hạn chế
- Thiếu hiểu biết về văn hoá văn minh,

kiến thức chuyên ngành

Song sau nhiều lần nghe đi nghe lại, học sinh sẽ tiến bộ hơn: số từ nghe được tăng dần lên. Đây chính là những *điểm neo bám* đầu tiên cho phép học sinh tiến dần lên trong quá trình khám phá nghĩa của phát ngôn.

- Việc xác lập nghĩa của phát ngôn đòi hỏi người học phải có một số tri thức và kỹ năng cần thiết về ngôn ngữ và giao tiếp của tiếng nước ngoài. Trong giai đoạn cơ sở, do học sinh chưa có đủ kiến thức về từ vựng, ngữ pháp, những hiểu biết về văn hoá, văn minh, ngữ dụng để xác lập nghĩa của phát ngôn/ngôn bản, giáo viên cần dự tính trước những khó khăn, trở ngại mà học sinh có thể gặp phải trong bài luyện nghe và giải thích ngay khi thấy cần thiết để tránh mất thời gian trên lớp.

- Giai đoạn 1 và 2 đòi hỏi rất nhiều thời gian để luyện tập, giáo viên cần cho học sinh nghe nhiều lần những phát ngôn hoặc ngôn đoạn khó, nên quan tâm chú ý đều đến các đối tượng có trình độ khác nhau để học sinh trung bình và yếu có điều kiện biểu thị sự cố gắng trong khi nghe. Điều khuyến cáo là đừng vì sốt ruột mà cho luôn các từ mà học sinh chưa nghe được vì kinh nghiệm cho thấy nếu học sinh phải động não, tự nghe ra được từ khó họ sẽ nhớ lâu và đó

chính là những nguồn động viên nhỏ nhỏ giúp họ vượt qua những trở ngại trong quá trình học.

- Để có thể nghe tích cực, ngoài tri thức cần thiết về ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), về văn hoá văn minh tiếp thu được trong quá trình học, học sinh phải có những hiểu biết nhất định về các chủ điểm đề cập trong các bài luyện nghe, về các loại hình ngôn bản. Do đó khi xây dựng giáo trình nghe, cần tính đến việc

+ Lựa chọn những bài có chủ điểm được sử dụng trong chương trình giảng dạy các kỹ năng thực hành khác để cung cấp và bổ sung kiến thức chung phù hợp,

+ Lựa chọn và đa dạng hoá các loại hình ngôn bản phù hợp với mục tiêu cụ thể và trình độ học sinh. Có thể cân nhắc độ khó của những loại hình ngôn bản sau để đưa vào giáo trình dạy nghe ở các trình độ khác nhau: độc thoại (thông báo, hướng dẫn, quảng cáo, dự báo thời tiết, tin ngắn, bản tin chi tiết, tự sự, bài phát biểu, bài nói chuyện, bình luận), hội thoại (phỏng vấn, tọa đàm, tranh luận, thảo luận). Trong khi dạy cần hướng dẫn học sinh tự rút ra những đặc điểm riêng biệt của các loại ngôn bản đó để có thể nhận diện khi nghe. Mặt khác, trong quá trình luyện nghe trên lớp cần cho học sinh làm quen với các loại hình tiểu mục khác nhau (điền khuyết, điền bảng, hoàn thành câu, trả lời câu hỏi, tóm tắt...) để học sinh có thể nắm bắt được và thực hiện tốt các yêu cầu trong thi/kiểm tra kỹ năng nghe hiểu.

- Điều quan trọng liên quan đến mô hình *Nghe tích cực* là thông qua các bài luyện tập trên lớp dần hình thành cho học sinh một *phương pháp nghe* để họ có thể chủ động tự tập luyện nghe ở nhà. Mỗi tiến bộ đạt được trong nghe hiểu, việc nâng cao kỹ năng nghe hiểu là kết quả của cả một quá trình rèn luyện khổ công không những chỉ ở trên lớp mà chủ yếu trong thời gian tự học. Học sinh cần nhận thức rõ rằng nếu chỉ trông chờ vào

các giờ dành cho kĩ năng này trong phân bố thời khoá biểu thì khó có thể đạt được mục tiêu đề ra của môn học. Điều này hoàn toàn phù hợp với mục tiêu giảng dạy ở cấp đại học là trang bị cho sinh viên một phương pháp tự học tự nghiên cứu, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo để học suốt đời.

- Độ dài ngôn bản phù hợp trong các bài luyện nghe trên lớp cũng là một yếu tố quan trọng trong việc ứng dụng mô hình *Nghe tích cực* nhằm duy trì hứng thú của học sinh. Đối với giai đoạn đề cao (HP4, HP5, HP6) theo chúng tôi, độ dài các bài luyện có thể dao động từ 2 đến 3 phút, tốc độ tự nhiên.

5. Đề xuất cách thức tiến hành một bài luyện kĩ năng Nghe hiểu

Để ứng dụng mô hình *Nghe tích cực*, chúng tôi thử đề xuất cách thức tiến hành một bài luyện nghe hiểu một cách khái quát như sau:

Bước 1: Khởi động trước khi nghe. Mục tiêu của bước này là đặt người học vào tình huống chủ động. Tình huống chủ động có nghĩa là tình huống đòi hỏi người học huy động mọi nguồn lực sẵn có (những kiến thức

về ngữ âm, từ vựng, hình thái, cú pháp, văn hoá văn minh) để có thể tiếp cận nội dung bài nghe một cách chủ động. Các hoạt động trong bước này có thể là:

- Trả lời một vài câu hỏi của giáo viên về chủ điểm sẽ được đề cập trong bài nghe.

- Quan sát một bức tranh, ảnh có cùng chủ điểm với bài nghe và yêu cầu học sinh phát biểu về chủ điểm của bức tranh, ảnh.

- Giới thiệu các yêu cầu trong bài luyện nghe: nghe tổng quát, nghe chi tiết và các yếu tố cần xác định trong khi nghe lần 1, lần 2, lần 3.

Bước 2: Nghe khái quát nội dung bài. Mục tiêu của bước này là xác định tình huống giao tiếp, chủ điểm đề cập và loại hình ngôn bản trong bài nghe. Việc xác định tình huống giao tiếp cho phép xác định chu cảnh không gian, thời gian xảy ra sự việc, mối quan hệ giữa các chủ thể giao tiếp, ý định giao tiếp của họ.

Trước khi nghe lần 1, giáo viên cần nói rõ yêu cầu cần xác định những thông tin về tình huống giao tiếp, chủ điểm, loại hình ngôn bản của bài nghe trên cơ sở một bảng đã kẻ sẵn trên bảng:

Ai nói (với ai)?	Bao nhiêu giọng khác nhau? (đàn ông, đàn bà, trẻ em?) Quốc tịch, nghề nghiệp? ...
Ở đâu?	Địa điểm giao tiếp? (ngoài phố, trong nhà, bến tàu...).
Về vấn đề gì?	Chủ đề chính?...
Khi nào?	Sáng, chiều, tối?...
Như thế nào?	Kênh giao tiếp? (Đối thoại trực tiếp, buổi phát thanh, truyền hình,, phỏng vấn, hội thoại ...)
Để làm gì?	Ý định giao tiếp? (thông báo, kể chuyện, miêu tả, giải thích, bình luận, ...)

Sau lần nghe thứ nhất, giáo viên yêu cầu học sinh cho biết những thông tin nghe được và giáo viên điền lên bảng tất cả những thông tin đó. Nếu học sinh chưa nghe được hoặc nghe được rất ít, thì cho các em nghe tiếp lần 2, lần 3... cho đến khi đã điền tương đối đủ các thông tin nghe được lên bảng. Lần

tiếp theo đó là lần nghe để kiểm chứng những thông tin nào là đúng, sai? Việc nêu rõ yêu cầu nghe trước khi nghe lần 1 và lần nghe kiểm chứng cho phép đặt người học vào một tình huống nghe tích cực, buộc họ phải tập trung chú ý để xác định những thông tin liên quan.

Cuối bước hai, giáo viên có thể gọi một vài em tóm tắt miệng những thông tin đã chốt lại trên bảng nhằm mục đích khắc sâu ghi nhớ của cả lớp về những thông tin đó.

Bước 3: Nghe hiểu chi tiết nội dung bài.
Mục tiêu của bước này là xác định những thông tin chủ yếu và thông tin phụ, cho phép

xác lập nghĩa trọn vẹn của bài nghe. Giáo viên có thể đặt câu hỏi về các nội dung chính, thông tin phụ trong bài cho cả lớp trước mỗi lần nghe hiểu chi tiết; sau khi nghe, yêu cầu một vài em trả lời và lấy ý kiến cả lớp xem câu trả lời nào đúng. Để hiểu chi tiết nội dung bài nghe, học sinh cần phải xác định được những thông tin sau:

Cấu trúc bài	Bài gồm mấy ý chính? được tổ chức thế nào? Các ý khẳng định hay phản bác? Lập luận, minh họa, ví dụ?...
Các từ nối	Trong bài có - Các từ nối chỉ ý nghĩa logic không? (d'une part, d'autre part, par ailleurs...) - Các từ nối chỉ trình tự thời gian không? (tout d'abord, ensuite, puis, enfin, pour conclure...) - Các từ nối chỉ sự đối lập hay nhượng bộ không? (malgré cela, bien que, en dépit de, mais, cependant...) - Các từ nối chỉ nguyên nhân, kết quả không? (en effet, étant donné que, de manière que, pour la raison suivante...)
Từ vựng	Cần xác định những từ có ý nghĩa chủ chốt (mots-clés) về chủ điểm, về các ý chính, các thực từ.
Chi dẫn cần thiết	- Những con số, - Tên địa lí, - Địa điểm, - Ngày tháng, - Từ viết tắt

*** Một vài điều lưu ý**

- Trong giờ luyện, luôn đặt người học vào tư thế sẵn sàng, chủ động nghe với những yêu cầu cụ thể của mỗi lần nghe. Nếu học sinh chưa nghe được những thông tin quan trọng, cần cho họ nghe thêm 1, 2 hoặc 3 lần. Những từ nghe được qua các lần nghe sẽ là những điểm tựa để họ đưa ra giả định và kiểm chứng những giả định về nghĩa.

- Các thông tin thu được trong bước nghe khái quát là cơ sở định hướng cho hiểu chi tiết, ngược lại bước nghe hiểu chi tiết cho phép hiểu được chính xác nội dung bài. Số lần cho nghe trong giờ luyện không phải là một con số cố định, nó hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng và trình độ nghe của học sinh trong từng lớp cụ thể. Trước khi kết thúc bài luyện cần cho học sinh nghe lại lần cuối cùng

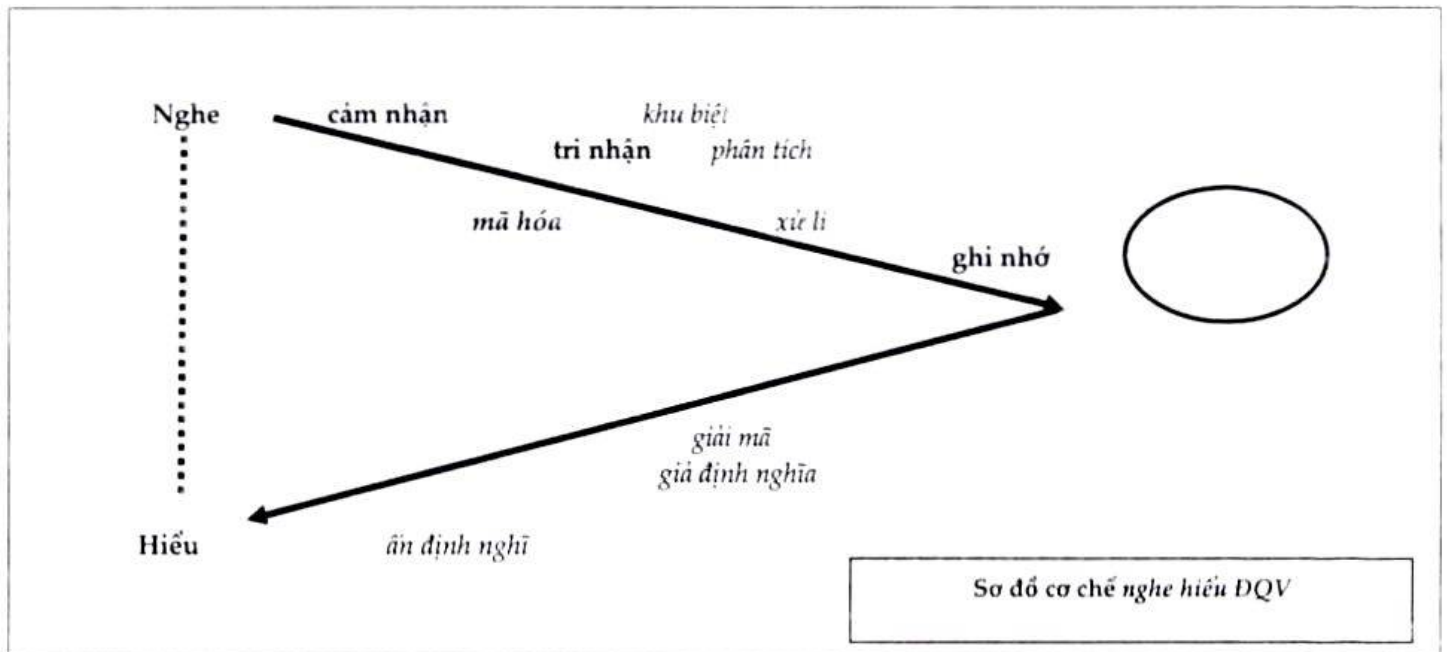
để mỗi học sinh xem xét lại những ý nào, những từ nào, những con số nào trước đó họ chưa nghe được.

6. Thay lời kết luận

Đổi mới phương pháp giảng dạy là một vấn đề cấp bách và thường xuyên phải đặt ra đối với giáo dục đại học nhằm góp phần không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo và đặt giáo dục đại học vào đúng vị trí của nó, phân biệt giáo dục đại học với giáo dục phổ thông. Cấp bách là vì chất lượng sản phẩm đào tạo của chúng ta còn thấp, chưa đáp ứng những đòi hỏi khắc nghiệt của thị trường lao động trong và ngoài nước, của tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Thường xuyên là vì đối tượng đào tạo của chúng ta luôn thay đổi, mục tiêu đào tạo của chúng ta phải tính đến những yêu cầu, đòi hỏi của nền

kinh tế thị trường luôn biến động, của tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế. Để đổi mới phương pháp giảng dạy cần tiến hành một loạt các giải pháp đồng bộ trên cơ sở kết quả những nghiên cứu cơ bản về ngôn ngữ, về nội dung chương trình, về các kỹ năng thực hành ngoại ngữ, về phương pháp

giảng dạy và về cách thức tổ chức dạy-học. Với tinh thần đó, tác giả bài viết mong muốn được trao đổi cùng quý đồng nghiệp những suy nghĩ cá nhân về giảng dạy kỹ năng *Nghe hiểu* với ước vọng được góp một viên đá nhỏ để xây dựng toà nhà đổi mới phương pháp giảng dạy mà nhà trường đang tiến hành.



Sơ đồ. Cơ chế nghe hiểu.

Tài liệu tham khảo

- [1] E. Lhote, "Trois fonctions-clés dans l'écoute active de la parole" dans *Actes du 3e colloque régional de linguistique*, Université de Strassbourg, 1988.
- [2] S. Beudet, *Réussir le DALF - Unité B2 Entraînement à la compréhension orale*, HATIER/Didier, Paris, 1996.
- [3] E. Guimbretiere, *Phonétique et enseignement de l'oral*, Didier/HATIER, Paris, 1994.
- [4] M. Pendanx, *Les activités d'apprentissage dans la classe de Langue*, Collection F, CLE, Paris, 1998.
- [5] Kì yếu Hội nghị Nghiên cứu Khoa học, "Phương pháp dạy-học bộ môn theo tinh thần đổi mới đào tạo đại học", Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 1998.

On an approach of research into the teaching of listening comprehension for students of French language and culture Department at College of Foreign Languages, VNU

Do Quang Viet

*Research and Examinations Center,
College of Foreign Languages, Vietnam National University, Hanoi,
144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

The fact of teaching-learning a foreign language is teaching-learning its knowledge and especially its language skills (Listening, speaking, reading, writing) so that the learner can master the language as a means of spoken or writing communication in order to meet the demands of each individual, society and career. The author would like to exchange some ideas on the teaching-learning of listening comprehension so as to give some contribution on Listening comprehension in particular other practical courses in general in the next process of training at College of Foreign Languages, VNU.